TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2025/DS-PT
Ngày: 27-02-2025
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán:Bà Trương Tố Hương.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp chia thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 48/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Đ; Địa chỉ: Số D, ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Việt H; Địa chỉ: L, đường C, khu dân cư M, Khóm A, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo giấy uỷ quyền lập ngày 06 tháng 8 năm 2024 được Công chứng tại Văn Phòng C1, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 06 tháng 8 năm 2018) (vắng mặt, có đơn đề nghị xin hoãn hoặc xin dời phiên tòa ngày 24/02/2025).

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn L; Địa chỉ: Số C, ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Phan Văn P; Địa chỉ: số A L ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Đặng Văn D; Địa chỉ: số B, ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của ông D: Ông Phan Văn P; Địa chỉ: số A L ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.2. Ông Đặng Văn B; Địa chỉ: số C, ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông B: Ông Phan Văn P; Địa chỉ: số A L ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.3. Bà Phan Thị H1; (vắng mặt)

3.4. Anh Đặng Văn H2; (vắng mặt)

3.5. Chị Huỳnh Thị Kim L1. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà C, ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.6. Bà Đặng Thị T (Thôi); Địa chỉ: ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

3.7. Bà Thạch Thị N; Địa chỉ: Địa chỉ: ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.8. Ông Nguyễn Văn H3; (có mặt)

3.9. Bà Trần Thị N1; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăngặt).

3.10. Chị Đặng Huyền T1; (vắng mặt)

3.11. Chị Đặng Huyền G. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà C, ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.12. Anh Lê Văn H4; Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Số nhà C, ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Trần Việt Hgười đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; ông Đặng Văn Lị đơn và ông Đặng Văn Bgười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện lập ngày 19 tháng 3 năm 2018 và đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung lập ngày 15 tháng 9 năm 2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị Đ người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Việt Hnh bày:*

Cha, mẹ của bà Đặng Thị Đ ông Đặng Văn D1inh năm 1929, chết năm 2014) và bà Phan Thị T2inh năm 1932, chết ngày 05/02/2017) có 07 người con chung gồm bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn L, ông Đặng Văn D, ông Đặng Văn B, bà Đặng

Thị T, bà Đặng Thị Chết) và không có chồng con, ông Đặng Văn Đ1chết) và không có vợ con.

Lúc sinh thời cha, mẹ của bà Đ tạo lập được các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, gồm: Thửa số 127, diện tích 9.330 m^2; Thừa số 128, diện tích 3.300 m^2; Thừa số 225, diện tích 730 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C67011 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Đặng Văn D1o ngày 10 tháng 3 năm 1995, khi cha mẹ bà Đết không để lại di chúc.

Ngày 04/10/2018 bà Đ đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xem xét, giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với 02 bộ ván Gõ, 01 tủ đứng gỗ Xà Cừ và bị bàn gỗ Căm Xe chữ U kèm 04 ghế đai. Tuy nhiên đối với yêu cầu trên nguyên đơn bà Đ đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện.

Nay bà Đặng Thị Đởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất cụ thể như sau: Thửa 127 có diện tích đo thực tế là 9.512 m^2 , thửa 128 có diện tích đo thực tế là 1.198 m^2 và thửa 225 có diện tích đo thực tế 826 m^2 thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng 06 phần bằng nhau để chia cho bà Đặng Thị Đ (hai) phần, 04 (bốn) phần còn lại chia đều cho ông Đặng Văn D, ông Đặng Văn B, ông Đặng Văn Là Đặng Thị Tngười được hưởng 01 phần. Nguyên đơn bà Đ nghị Tòa án chia cho bà Đng hiện vật với một phần diện tích là đất ở nông thôn (ONT), phần còn lại là diện tích đất nông nghiệp và đồng ý lấy kết quả thẩm định giá theo giá thị trường làm căn cứ giải quyết tranh chấp.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đặng Văn Lng Phan Văn Pbày: Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất 127, 128 và 225 bị đơn ông Lg đồng ý chia. Đối với diện tích đo đạc thực tế các thửa đất thì bị đơn đồng ý diện tích thực tế, còn kết quả thẩm định giá theo giá thị trường thì bị đơn đồng ý kết quả.*

** Bị đơn ông Đặng Văn Lh bày:*

Cha ông Luốc tên Đặng Văn D1inh năm 1929 chết năm 2014) và mẹ tên Phan Thị T2inh năm 1932 chết năm 2017) có 07 người con chung gồm bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn L, ông Đặng Văn D, ông Đặng Văn B, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị C, không chồng, không con) và ông Đặng Văn Đ1t, không vợ, không con). Lúc đương thời cha mẹ ông Lạo lập được các thửa đất: Thửa số 127 diện tích là 9.330 m^2; Thửa số 128 diện tích là 3.300 m^2; thửa số 225 diện tích 730 m^2, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay các thửa có diện tích thực tế như kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Sóc Trăng cụ thể: Thửa 127 có diện tích 9.512 m^2 , thửa 128 có diện tích 1.198 m^2 và thửa 225 có diện tích 826 m^2. Các thửa đất trên hiện nay ông L quản lý, sử dụng. Nhưng hoàn cảnh

khó khăn nên vào năm 2010 ông Lhuyển nhượng giấy tay cho ông Nguyễn Văn H3bà Trần Thị N2 đất 127 và 128.

Việc bà Đặng Thị Đu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 127, 128, 225 của cha mẹ ông Lại thì ông Lg đồng ý chia thừa kế di sản trên cũng như không đồng ý chia cho bà Đi những lý do như sau:

Thời gian bà Đông sống chung với bên chồng thì bà Đ về sống với bà T2 mẹ ông L, mẹ ông Lcho bà Đt miếng đất và xây nhà cho bà Đi ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăngo bà Đởng tiền 02 liệt sĩ của anh chị ông Là Cg Đ1, khi chết mẹ ông Lể lại cho bà Đ cây vàng 24K có sự chứng kiến của ông Đặng Văn D, ông Đặng Văn B, bà Đặng Thị T. Như vậy, bà Đng được chia phần của cha mẹ nên đối với yêu cầu của bà Đu cầu chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất 127, 128 và 225 thì ông Lg đồng ý chia vì phần đất này trước khi chết cha mẹ ông Lại cho ông để thờ cúng ông bà.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Đu cầu Tòa án xem xét chia thừa kế theo pháp luật đối với 02 bộ ván Gõ, 01 tủ đứng gỗ Xà Cừ và 01 bàn gỗ Căm Xe chữ U kèm theo 04 ghế đai thì ông Lg đồng ý theo đơn khởi kiện bổ sung của bà Đư sau: Phần tài sản 02 bộ ván Gõ, 01 tủ đứng gỗ Xà Cừ và 01 bàn gỗ Căm Xe chữ U kèm theo 04 ghế đại tài sản này cha mẹ ông Lông trước khi cha mẹ ông qua đời vì ông là con trai Úong gia đình có sự chứng kiến của ông Đặng Văn D, ông Đặng Văn B, bà Đặng Thị Tông Lg đồng ý chia cho bà Đ. Tuy nhiên hiện nay bà Đt lại yêu cầu ông Lg ý kiến.

Đối với diện tích đo đạc thực tế các thửa đất 127, 128 và 225 thì bị đơn đồng ý diện tích thực tế, còn kết quả thẩm định giá theo giá thị trường thì bị đơn đồng ý kết quả.

** Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn Bng Phan Văn Pbày: Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất 127, 128 và 225 thì ông không đồng ý chia. Đối với diện tích đo đạc thực tế các thửa đất thì ông đồng ý diện tích thực tế, còn kết quả thẩm định giá theo giá thị trường thì ông đồng ý kết quả.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Bh bày:*

Bà Đặng Thị Đu cầu Tòa án chia các thửa đất 127, 128 và 225 chia theo pháp luật thì ông Bg đồng ý với những lý do như sau:

Vào năm 1979 ông Bia đình riêng thì cha mẹ ông Bng D1 bà T2 cho ông 01 phần đất ở chiều ngang 12m chiều dài 22m diện tích 264 m^2 thuộc thửa đất 225 và ông Bây nhà ở kiên cố cho đến nay. Có thời gian bà Đặng Thị Đông sống chung với bên chồng thì bà Đ sống với mẹ ông và mẹ ông có mua cho bà Đt miếng đất và xây 01 căn nhà cho bà Đi ấp X xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ông cũng cho bà Đởng tiền liệt sĩ của bà Cg Đ1, như vậy lúc còn sống cha mẹ ông cũng đã chia phần tài sản cho bà Đ. Nay các thửa đất 127, 128 và 225 là phần của ông Đặng Văn L. Nếu

trường hợp Toà án chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất trên thì ông đồng ý giao kỷ phần của ông được hưởng đối với thửa 127 và 128 cho ông L, còn đối với thửa 225 thì lúc sinh thời ông được cha mẹ cho và đã xây nhà ở kiên cố đến nay. Nay ông Bghị Tòa án xem xét giải quyết bác đơn yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị Đà.

Đối với diện tích đo đạc thực tế các thửa đất 127, 128 và 225 thì ông B ý diện tích thực tế, còn kết quả thẩm định giá theo giá thị trường thì ông đồng ý kết quả trên.

** Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn Dông Phan Văn Pbày: Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất 127, 128 và 225 thì ông không đồng ý chia. Đối với diện tích đo đạc thực tế các thửa đất thì ông đồng ý diện tích thực tế, còn kết quả thẩm định giá theo giá thị trường thì ông đồng ý kết quả. Nếu trường hợp Toà án chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất trên thì Dg ý giao kỷ phần của ông được hưởng cho ông L.*

** Theo tờ tường trình người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Th bày:*

Cha mẹ bà Tc đây đã chia phần cho bà Tà Đ, còn các thửa đất 127, 128 và 225 thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăngòn sống cha mẹ bà đã cho ông Đặng Văn Lthửa đất trên. Nay bà Tghị Tòa án xem xét giải quyết bác đơn yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị Đà . trường hợp Toà án chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất trên thì bà T ý giao kỷ phần bà T hưởng cho ông L.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Nình bày:Thống nhất với lời trình bày của ông Đặng Văn L, đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi chia thừa kế của bà Đặng Thị Đà.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H3bà Trần Thị N2h bày:*

Vào năm 2010 ông Đặng Văn Lố cho ông H3, bà N2 đất 127 và 128 với giá là 50 chỉ vàng 24k, thời điểm này ông Đặng Văn L chung với cha là Đặng Văn D1, mẹ là Phan Thị T2. Ông D1 bà T2u thống nhất cho ông Đặng Văn Lho vợ chồng ông bà hai thửa đất trên và có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H3 đến nay. Năm 2011 ông Đặng Văn L tục nhận thêm 20 chỉ vàng 24k. Đến năm 2012 ông Đặng Văn L thêm số vàng 36,5 chỉ vàng 24k và 37 triệu đồng. Tổng cộng số vàng ông Đặng Văn L của của ông Nguyễn Văn H3106,5 chỉ vàng và số tiền là 37.000.000 đồng, việc cố đất này được Trưởng ban N3 nhận, hiện nay ông đang trồng lúa trên hai thửa đất trên.

Nay đối với yêu cầu của bà Đì ông H3, bà N2g có ý kiến gì. Nhưng nếu Toà án thống nhất chia thừa kế đối với thửa đất 127 và 128 thì ông H3bà N2 ý giao các thửa đất 127,128 cho tòa án chia thửa kế, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính ông đang giữ thì ông H3ng giao, nếu ông Lđủ số vàng thì ông sẽ giao

lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn việc yêu cầu độc lập trong vụ kiện này thì ông H3bà N2g làm đơn yêu cầu và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét trong cùng vụ kiện này.

** Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H1, anh Đặng Văn H2, chị Huỳnh Thị Kim L1, chị Đặng Huyền T1, chị Đặng Huyền G, anh Lê Văn H4u khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho bà Phan Thị H1, anh Đặng Văn H2, chị Huỳnh Thị Kim L1, chị Đặng Huyền T1, chị Đặng Huyền G, anh Lê Văn H4ng bà Phan Thị H1, anh Đặng Văn H2, chị Huỳnh Thị Kim L1, chị Đặng Huyền T1, chị Đặng Huyền G, anh Lê Văn H4ông có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án có gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án hai (02) lần nhưng bà Phan Thị H1, anh Đặng Văn H2, chị Huỳnh Thị Kim L1, chị Đặng Huyền T1, chị Đặng Huyền G, anh Lê Văn H4 không tham gia.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. **Tuyên xử**:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Đ việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất tại thửa 127, diện tích đo đạc thực tế là 9.512m^2; quyền sử dụng đất tại thửa 128, diện tích đo đạc thực tế là 1.198 m^2 và quyền sử dụng đất thuộc thửa 225, diện tích đo đạc thự tế là 826 m^2 cùng thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trănggiấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C67011 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Đặng Văn D1o ngày 10 tháng 3 năm 1995 là di sản thừa kế của ông Đặng Văn D1 bà Phan Thị T2ết để lại và được phân chia cho các đồng thừa kế, cụ thể từng thửa đất như sau:

1.1. Chia phần đất thuộc thửa 127 thuộc tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế 9.512m^2, mỗi kỷ phần có diện tích 1.585.33 m^2, tương đương giá trị 84.022.667 đồng, trong đó:

1.1.1. Ông Đặng Văn L được nhận 05 kỷ phần thừa kế có diện tích 7.926,65 m^2 tương đương giá trị 420.133.333 đồng.

Có vị trí: Hướng Đông giáp phần đất ông Trần Văn Ẩ, có số đo 20,05m + 26,20m; hướng Tây giáp phần đất thửa 127 chia cho bà Đ, có số đo 51,41m; hướng

Nam giáp thửa 128, 131, có số đo 90,10m + 71,74m; hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Phước T3, Nguyễn Minh T4, có số đo 84m + 80,95m.

1.1.2. Bà Đặng Thị Đận 01 kỷ phần thừa kế có diện tích 1.585.33 m^2, tương đương giá trị 84.022.667 đồng.

Có vị trí: Hướng Đông giáp phần đất thửa 127 chia cho ông L, có số đo 51,41m; hướng Tây giáp phần đất thửa 132, có số đo 52,29m; hướng Nam giáp thửa 131, có số đo 31m; hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Minh T4, có số đo 22,56m + 7,83m.

1.2. Chia phần đất thửa đất số 128 thuộc tờ bản đồ 8, diện tích đo đạc thực tế là 1.198 m^2 tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăngộ ông Đặng Văn D1o ngày 10 tháng 3 năm 1995 cho bị đơn ông Đặng Văn L lý, sử dụng.

Buộc ông Đặng Văn Lghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Đặng Thị Đá trị 01 kỷ phần thừa kế tương đương giá trị 13.976.667 đồng.

1.3. Chia phần đất thửa 225, tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế là 826 m^2 (trong đó: đất ở là 300m^2; diện tích đất trồng cây lâu năm, trong đó: nằm ngoài hành lang lộ giới là 300,3m^2; diện tích nằm trong hành lang lộ 225,7m^2), cụ thể:

1.3.1. Ông L phân chia thực tế có diện tích 511,1m^2 (trong đó: 200m^2 đất ONT, 183,56m^2 đất CLN ngoài hành lang lộ giới, 127,54m^2 đất CLN nằm trong hành lang lộ giới), có giá trị 397.035.140 đồng.

Có vị trí: Hướng Đông giáp phần đất thửa 225 chia cho ông B, có số đo 29,62m; hướng Tây giáp kênh thủy lợi, có số đo 26,30m; hướng Nam giáp đất ông Hồ Kim Đ2, có số đo 18,10m + 1,44m; hướng Bắc giáp lộ đal, có số đo 15,60m.

1.3.2. Ông B phân chia thực tế diện tích đất 314,9m^2 (trong đó: 100m^2 đất ONT, 116,74m^2 đất CLN ngoài hành lang lộ giới, 98,16m^2 đất CLN nằm trong hành lang lộ giới), có giá trị 222.848.060 đồng.

Có vị trí: Hướng Đông giáp phần đất ông Hồ Kim Đ2, có số đo 23,20m; hướng Tây giáp phần đất 225 chia cho ông L, có số đo 29,62m; hướng Nam giáp phần đất ông Hồ Kim Đ2, có số đo 13,61m; hướng Bắc giáp lộ đal, có số đo 12m.

1.3.3. Ông B có trách nhiệm thối lại giá trị cho ông Liền 16.220.327 đồng.

1.3.4. Ông Brách nhiệm thối lại giá một kỷ phần thừa kế cho bà Đ 103.313.866 đồng.

(có sơ đồ kèm theo)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các ông, bà Đặng Văn L, Đặng Thị Đ đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng người có nghĩa vụ trả tiền nêu trên phải chịu mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương đương số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Những người được phân chia, giao quyền sử dụng đất nêu trên được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông D1 T2 lại là 02 bộ ván Gõ, 01 tủ đứng gỗ Xà Cừ và bị bàn gỗ Căm Xe chữ U kèm 04 ghế đai.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

* Ngày 14/10/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Đ3 ông Trần Việt Hơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là chia cho bà Đ3 suất thừa kế và chia bằng đất để bà Đ3 đất cho con cất nhà ở, vì nguyên đơn thuộc diện gia đình có hoàn cảnh nghèo khó không có khả năng mua đất để cho con cất nhà ở.

* Cùng ngày 14/10/2024, bị đơn ông Đặng Văn Lgười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ3.

Tại phiên tòa hôm nay: Tại đơn đề nghị hoãn phiên tòa hoặc dời phiên tòa ngày 24/02/2025, ông Trần Việt Hdiện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, bị đơn ông Đặng Văn Lgười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn Bg rút kháng cáo; các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ, chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện của bà Đ3, ông Lng Băn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo ông Trần Việt Hdiện theo ủy quyền của bà Trần Thị Đ3; bị đơn ông Đặng Văn Lgười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn Btrong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị hoãn phiên tòa hoặc dời phiên tòa lý do đám giỗ mẹ, nếu không được Hội đồng xét xử đồng ý thì đề nghị xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cụ thể chia cho nguyên đơn 02 suất thừa kế giống trường hợp của bị đơn và chia bằng hiện vật để nguyên đơn có đất chia cho các con cất nhà ở; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Dg mặt nhưng có người đại diện theo uỷ quyền tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là bà Phan Thị H1, anh Đặng Văn H2, chị Huỳnh Thị Kim L1, bà Đặng Thị Ti), chị Đặng Huyền T1, chị Đặng Huyền Gnh Lê Văn H4g mặt lần thứ hai không có lý do, việc vắng mặt của những người này cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà Đặng Thị Đ đơn yêu Cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án xem xét chia thừa kế theo pháp luật đối với 02 bộ ván Gõ, 01 tủ đứng gỗ Xà Cừ và 01 bàn gỗ Căm Xe chữ U kèm theo 04 ghế đai, bà Đu cầu chia tài sản theo pháp luật làm 06 kỷ phần, trong đó bà Đợc 02 kỷ phần, 04 phần còn lại chia đều cho ông L, ông B, ông Dbà Tg trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đ đơn rút lại yêu cầu trên. Xét thấy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cho rằng việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ sự tự nguyện và không trái quy định pháp luật, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trên là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[4] Nguyên đơn bà Đặng Thị Đới kiện chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất cụ thể như sau: Thửa 127 có diện tích đo thực tế là 9.512 m^2 , thửa 128 có diện tích đo thực tế là 1.198 m^2 và thửa 225 có diện tích đo thực tế 826 m^2 thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng 06 phần bằng nhau để chia cho bà Đặng Thị Đ (hai) phần, 04 (bốn) phần còn lại chia đều cho ông Đặng Văn D, ông Đặng Văn B, ông Đặng Văn Là Đặng Thị Tngười được hưởng 01 phần. Nguyên đơn bà Đ nghị Tòa án chia cho bà Đng hiện vật với một phần diện tích là đất ở nông thôn (ONT), phần còn lại là diện tích đất nông nghiệp và đồng ý lấy kết quả thẩm định giá theo giá thị trường làm căn cứ giải quyết tranh chấp.

[5] Bị đơn người đại diện cho ông Lng Phan Văn P Đặng Văn Lg đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất 127, 128 và 225 theo yêu cầu của bà Đ, vì phần đất này trước khi chết cha mẹ ông Lại cho ông để thờ cúng ông bà. Đối với diện tích đo đạc thực tế các thửa đất thì bị đơn đồng ý diện tích thực tế, còn kết quả thẩm định giá theo giá thị trường thì bị đơn đồng ý kết quả.

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[6.1] Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn Bng Phan Văn Pđồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất 127, 128 và 225 theo yêu cầu của bà Đ, vì có thời gian bà Đặng Thị Đông sống chung với bên chồng thì bà Đ sống với mẹ

ông và mẹ ông có mua cho bà Đt miếng đất và xây 01 căn nhà cho bà Đi ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ông cũng cho bà Đởng tiền liệt sĩ của bà Cg Đ1, như vậy lúc còn sống cha mẹ ông cũng đã chia phần tài sản cho bà Đ. Nay các thửa đất 127, 128 và 225 là phần của ông Đặng Văn L. Nếu trường hợp Toà án chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất trên thì ông đồng ý giao kỷ phần của ông được hưởng đối với thửa 127 và 128 cho ông L, còn đối với thửa 225 thì lúc sinh thời ông được cha mẹ cho và đã xây nhà ở kiên cố đến nay. Nay ông Bghị Tòa án xem xét giải quyết bác đơn yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị Đà.

[6.2] Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn Dông Phan Văn Pđồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất 127, 128 và 225 theo yêu cầu của bà Đ. Nếu trường hợp Toà án chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất trên thì Dg ý giao kỷ phần của ông được hưởng cho ông L.

[6.3] Bà Đặng Thị Th bày: Cha mẹ trước đây đã chia phần cho bà và bà Đ, còn các thửa đất 127, 128 và 225 thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăngòn sống cha mẹ bà đã cho ông Đặng Văn Lthửa đất trên. Nay bà Tghị Tòa án xem xét giải quyết bác đơn yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị Đà . trường hợp Toà án chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất trên thì bà T ý giao kỷ phần bà T hưởng cho ông L.

[6.4] Bà Thạch Thị Nình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Đặng Văn L, đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi chia thừa kế của bà Đặng Thị Đà.

[6.5] Ông Nguyễn Văn H3bà Trần Thị N2h bày: Vào năm 2010 ông Đặng Văn Lố cho ông H3, bà N2 đất 127 và 128 với giá là 50 chỉ vàng 24k, thời điểm này ông Đặng Văn L chung với cha là Đặng Văn D1, mẹ là Phan Thị T2. Ông D1 bà T2u thống nhất cho ông Đặng Văn Lho vợ chồng ông bà hai thửa đất trên và có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H3 đến nay. Năm 2011 ông Đặng Văn L tục nhận thêm 20 chỉ vàng 24k. Đến năm 2012 ông Đặng Văn L thêm số vàng 36,5 chỉ vàng 24k và 37 triệu đồng. Tổng cộng số vàng ông Đặng Văn L của của ông Nguyễn Văn H3106,5 chỉ vàng và số tiền là 37.000.000 đồng, việc cố đất này được Trưởng ban N3 nhận, hiện nay ông đang trồng lúa trên hai thửa đất trên. Nay đối với yêu cầu của bà Đì ông H3, bà N2g có ý kiến gì. Nhưng nếu Toà án thống nhất chia thừa kế đối với thửa đất 127 và 128 thì ông H3bà N2 ý giao các thửa đất 127,128 cho tòa án chia thừa kế, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính ông đang giữ thì ông H3ng giao, nếu ông Lđủ số vàng thì ông sẽ giao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn việc yêu cầu độc lập trong vụ kiện này thì ông H3bà N2g làm đơn yêu cầu và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét trong cùng vụ kiện này.

[6.6] Bà Phan Thị H1, anh Đặng Văn H2, chị Huỳnh Thị Kim L1, chị Đặng Huyền T1, chị Đặng Huyền G, anh Lê Văn H4u khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho bà Phan Thị H1, anh Đặng Văn H2, chị Huỳnh Thị Kim L1, chị Đặng Huyền T1, chị Đặng Huyền G, anh Lê Văn

H4ng bà Phan Thị H1, anh Đặng Văn H2, chị Huỳnh Thị Kim L1, chị Đặng Huyền T1, chị Đặng Huyền G, anh Lê Văn H4ông có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án có gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án hai (02) lần nhưng bà Phan Thị H1, anh Đặng Văn H2, chị Huỳnh Thị Kim L1, chị Đặng Huyền T1, chị Đặng Huyền G, anh Lê Văn H4 không tham gia.

[7] Xét cáo cáo của bị đơn ông Đặng Văn Lgười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm 83/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ. Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án thì **nhận thấy:**

[7.1] Các đương sự đều thừa nhận:

[7.1.1] Quyền sử dụng đất tại thửa 127, diện tích đo đạc thực tế 9.512m^2; thửa 128, diện tích đo đạc thực tế là 1.198 m^2 và thửa 225, diện tích đo đạc thự tế là 826 m^2 cùng thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C67011 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Đặng Văn D1o ngày 10 tháng 3 năm 1995 có nguồn gốc là do cha, mẹ để lại, cha tên Đặng Văn D1, sinh năm 1929 (chết năm 2014) và mẹ tên Phan Thị T2, sinh năm 1932 (chết ngày 05/02/2017) trước đây quyền sử dụng đất thuộc thửa số 127 có diện tích 9.330 m^2; thửa đất số 128 có diện tích 3.300 m^2; thửa đất số 225 có diện tích 730 m^2, nhưng sau đó diện tích có sự thay đổi do nhà nước đào kinh. Đây là những tính tiết, sự kiện có thật, không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7.1.2] Nguyên đơn bà Đo rằng quyền sử dụng đất tại thửa 127, 128 và thửa 225 cùng thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng sản của cha mẹ chết để lại, chưa được phân chia cho các con. Còn bị đơn ông Lhững người người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông B, ông D, bà Tcho rằng các thửa đất 127, 128, 225 cha mẹ cho ông L. Riêng đối với thửa đất 225 thì lúc còn sống cha mẹ ông Lng D1, bà T2 cho ông Bphần diện tích đất và ông Bây nhà ở kiên cố từ năm 2000 đến nay, phần còn lại của thửa đất 225 là cho ông L. Còn bà Đ được cha mẹ mua cho một phần đất và xây nhà ở kiên cố, đồng thời bà Đọc bà T2 mẹ của bị đơn cho hưởng tiền liệt sĩ của ông Đ1à Cước khi chết mẹ của bị đơn đã cho bà Đcây vàng 24k, do đó nguyên đơn yêu cầu chia thửa kế các thửa đất 127, 128 và 225 thì bị đơn không đồng ý.

[7.2] Từ những phân tích tại các tiểu mục [7.1.1] và tiểu mục [7.1.2] mục [7.1] thì có căn cứ xác định quyền sử dụng đất tại thửa 127 có diện tích đo đạc thực tế 9.512 m^2; quyền sử dụng đất tại thửa 128 có diện tích đo đạc thực tế là 1.198 m^2 và quyền sử dụng đất tại thửa 225 có diện tích đo đạc thực tế là 826 m^2 cùng thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng sản của ông Đặng Văn D1 bà Phan Thị T2ết để lại, chưa được phân chia. Do đó, cấp sơ thẩm cho rằng yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn đối với di sản nêu trên là có căn cứ.

[7.3] Về quan hệ thừa kế của của ông Đặng Văn D1 bà Phan Thị T2ì cấp sơ thẩm xác định, ông D1 bà T2 07 người con chung gồm bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn L, ông Đặng Văn D, ông Đặng Văn B, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị Chết, không chồng con) và ông Đặng Văn Đ1chết, không vợ con). Như vậy, hiện chỉ còn có 05 người con chung và hai ông bà không có con riêng và con nuôi.

[8] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu chia các di sản do ông D1, bà T2 lại chia làm 06 kỷ phần, bà Đợc hưởng 02 kỷ phần. Còn ông L, ông D, ông Bà Tngười được hưởng 01 kỷ phần thì thấy rằng lúc sinh thời ông D1ng cùng ông L, còn bà T2ng sống cùng ông Lthời gian. Đồng thời ông Lgười có công cải tạo gìn giữ di sản, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia cho nguyên đơn 02 kỷ phần. Như vậy, di sản nêu trên được chia thành 06 kỷ phần bằng nhau, trong đó có 01 kỷ phần công sức gìn giữ di sản, cụ thể từng thửa đất như sau:

[8.1] Thửa đất 127, thuộc tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế 9.512m^2, chia cho 06 ỷ phần và mỗi kỷ phần có diện tích 1.585,33 m^2, tương đương giá trị 84.022.667 đồng. Trong đó:

[8.1.1] Ông Đặng Văn L được 02 kỷ phần (01 kỷ phần thừa kế và 01 kỷ phần công sức) có diện tích 3.170,66 m^2 .

[8.1.2] Ông Đặng Văn B, ông Đặng Văn D, bà Đặng Thị Tà Đặng Thị Đi người nhận 01 kỷ phần thừa kế có diện tích 1.585,33 m^2, tương đương giá trị 84.022.667 đồng.

[8.1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Văn B, ông Đặng Văn Dbà Đặng Thị Tng quyền thừa kế cho ông Đặng Văn L, nên ông L nhận tổng cộng 05 kỷ phần 7.926,65m^2, tương đương giá trị 420.133.333 đồng.

[8.2] Thửa đất 128 thuộc tờ bản đồ 8, diện tích đo đạc thực tế là 1.198 m^2, chia cho 06 kỷ phần và mỗi kỷ phần có diện tích 199,66m^2, tương đương giá trị 13.976.667 đồng. Trong đó:

[8.2.1] Ông Đặng Văn L được 02 kỷ phần (01 kỷ phần thừa kế và 01 kỷ phần công sức) có diện tích 399,32 m^2 tương đương giá trị 27.952.400 đồng.

[8.2.2] Ông Đặng Văn B, ông Đặng Văn D, bà Đặng Thị Tà Đặng Thị Đi người nhận 01 kỷ phần thừa kế có diện tích 199,66 m^2, tương đương giá trị 13.976.667 đồng.

[8.2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Văn B, ông Đặng Văn Dbà Đặng Thị Tng quyền thừa kế cho ông Đặng Văn L, nên ông L nhận tổng cộng 05 kỷ phần 998,33 m^2 tương đương giá trị 69.883.333 đồng.

[8.2.4] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu được nhận hiện hiện vật thửa đất trên. Xét thấy thửa đất trên là loại đất lúa không đủ hạn mức để tách thửa theo Quyết định số: 42/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh S. Do đó, cần giao toàn bộ thửa đất trên cho ông Đặng Văn Lng Lghĩa vụ giao cho bà Đặng Thị Đá trị 01 kỷ phần thừa kế là 13.976.667 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được nhận hiện vật đối với thửa đất số 128 là có căn cứ.

[8.3] Thửa đất 225, diện tích đo đạc thực tế 826m^2 (trong đó: đất ở là 300m^2 ; diện tích đất trồng cây lâu năm, trong đó: nằm ngoài hành lang lộ giới là 300,3m^2; diện tích nằm trong hành lang lộ 225,7m^2). Phân chia cụ thể như sau:

[8.3.1] Ông Đặng Văn Lỷ phần (trong đó 01 kỷ phần thừa kế, 01 kỷ phần công sức và 02 kỷ phần của ông Dbà Tng quyền thừa kế) 550,66m^2 (trong đó: 200m^2 đất ONT, 200,2m^2 đất CLN ngoài hành lang lộ giới, 150,46m^2 đất CLN nằm trong hành lang lộ giới), có giá trị 413.255.467 đồng.

[8.3.2] Ông Đặng Văn B 01 kỷ phần có diện tích 137,66m^2 (trong đó: 50m^2 đất ONT, 50,05m^2 đất CLN ngoài hành lang lộ giới, 37,61m^2 đất CLN nằm trong hành lang lộ giới), có giá trị 103.313.866 đồng.

[8.3.3] Bà Đặng Thị Đợc 01 kỷ phần có diện tích 137,66m^2 (trong đó: 50m^2 đất ONT, 50,05m^2 đất CLN ngoài hành lang lộ giới, 37,61m^2 đất CLN nằm trong hành lang lộ giới), có giá trị 103.313.866 đồng.

[8.3.4] Phần đất thuộc thửa 225 có căn nhà của ông Đặng Văn Lng Đặng Văn B, để đảm bảo việc sử dụng đất ổn định cho ông Lng B, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm quyết định phân chia bằng hiện vật quyền sử dụng đất như sau:

[8.3.4.1] Ông L phân chia thực tế có diện tích 511,1m^2 (trong đó: 200m^2 đất ONT, 183,56m^2 đất CLN ngoài hành lang lộ giới, 127,54m^2 đất CLN nằm trong hành lang lộ giới), có giá trị 397.035.140 đồng.

[8.3.4.2] Ông B phân chia thực tế diện tích đất 314,9m^2 (trong đó: 100m^2 đất ONT, 116,74m^2 đất CLN ngoài hành lang lộ giới, 98,16m^2 đất CLN nằm trong hành lang lộ giới), có giá trị 222.848.060 đồng.

[8.3..4.3] Như vậy, giá trị tài sản phân chia cho ông Bượt 01 kỷ phần mà ông B nhận, nên ông B có trách nhiệm thối lại giá trị cho ông Liền 16.220.327 đồng và thối lại giá một kỷ phần thừa kế cho bà Đ 103.313.866 đồng.

[8.4] Trên thửa đất 225 do ông D1 bà T2 lại có 01 căn nhà của người chết để lại, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không ai yêu cầu chia đối với di sản trên, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[8.5] Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H3bà Trần Thị N2rằng thửa đất 127 và 128 vào năm 2010 thì ông Đặng Văn Lố giấy tay cho ông H3bà N2. Ông H3bà N2rả nhiều lần cho ông L cộng là là 106,5 chỉ vàng và số tiền là 37.000.000 đồng, hai bên có làm giấy tay và thỏa thuận khi nào có vàng sẽ chuộc lại đất, hiện nay thì vợ chồng ông H3bà N2 giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, nếu Tòa án đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất 127 và 128 thì ông H3bà N2 ý giao hai thửa đất 127 và 128 cho Tòa án chia theo quy định pháp luật. Ông H3bà N2g yêu cầu độc lập trong cùng vụ án này. Tuy nhiên, khi nào ông Lđủ số vàng đã cố đất thì ông H3bà N2rả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì **thấy rằng**, ông H3, bà N2g có đơn yêu cầu độc lập cũng như không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án, nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét giải quyết. Ông H3bà N2uyền khởi kiện thành một vụ kiện khác.

[8.6] Tại phiên tòa, ông Lng Bg cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới để cấp phúc thẩm xem xét đối với các kháng cáo của các đương sự.

[9] Từ những phân tích tại các tiểu mục [7.1] đến mục [7.3] mục [7]; các tiểu mục [8.1] đến [8.6] mục [8] thì có căn cứ xác định quyền sử dụng đất tại thửa 127 có diện tích đo đạc thực tế 9.512 m^2; quyền sử dụng đất tại thửa 128 có diện tích đo đạc thực tế là 1.198 m^2 và quyền sử dụng đất tại thửa 225 có diện tích đo đạc thực tế là 826 m^2 cùng thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng sản của ông Đặng Văn D1 bà Phan Thị T2ết để lại, chưa được phân chia. Do đó, cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật thành 06 kỷ phần cho 05 người thừa kế (có 01 kỷ phần là công sức cho ông L) là có căn cứ, nên kháng cáo của ông Lng Bhông có căn cứ chấp nhận.

[10] Xét kháng cáo của ông Trần Việt Hgười đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Đ3 đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là chia cho bà Đ3 suất thừa kế và chia bằng đất để bà Đ3 đất cho con cất nhà ở, vì nguyên đơn thuộc diện gia đình có hoàn cảnh nghèo khó không có khả năng mua đất để cho con cất nhà ở ***thì nhận thấy:***

[10.1] Thửa đất 225, diện tích đo đạc thực tế 826m^2 (trong đó: đất ở là 300m^2 ; diện tích đất trồng cây lâu năm, trong đó: nằm ngoài hành lang lộ giới là 300,3m^2; diện tích nằm trong hành lang lộ 225,7m^2) thì ông Lng Bất nhà và không có chỗ trống để chia cho bà Đ3ng hiện vật, nên bà Đ3áng cáo yêu cầu chia bằng hiện vật thửa đất nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[10.2] Các phần tại các thửa số 127, 128 và 225 là di sản thừa kế do Bưởi quản lý, sử dụng 01 phần và phần còn lại là do ông L, nên các ông này có công sức đóng góp vào khối di sản thừa kế, còn bà Đ3ì chỉ có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, chứ không có công sức đóng góp tăng giá trị tài sản, nên bà Đ3u cầu chia cho bà 02 suất thừa kế là không có căn cứ chấp nhận.

[11] Tại các tiểu mục [10.1] đến [10.2] mục [10] thì Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ3 việc chia cho bà Đ3 suất thừa kế và chia bằng đất để bà Đ3 đất cho con cất nhà ở, vì nguyên đơn thuộc diện gia đình có hoàn cảnh nghèo khó không có khả năng mua đất để cho con cất nhà ở.

[12] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của bà Đ3, ông Bng Lăn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[13] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do ông Đặng Văn Bgười cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn Lng Đặng Văn B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 609; Điều 612; Điều 613; Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Đ việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất tại thửa 127, diện tích đo đạc thực tế là 9.512m^2; quyền sử dụng đất tại thửa 128, diện tích đo đạc thực tế là 1.198 m^2 và quyền sử dụng đất thuộc thửa 225, diện tích đo đạc thự tế là 826 m^2 cùng thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trănggiấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C67011 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Đặng Văn D1o ngày 10 tháng 3 năm 1995 là di sản thừa kế của ông Đặng Văn D1 bà Phan Thị T2ết để lại và được phân chia cho các đồng thừa kế, cụ thể từng thửa đất như sau:

1.1. Chia phần đất thuộc thửa 127 thuộc tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế 9.512m^2, mỗi kỷ phần có diện tích 1.585,33 m^2, tương đương giá trị 84.022.667 đồng, trong đó:

- Ông Đặng Văn L được nhận 05 kỷ phần thừa kế có diện tích 7.926,65 m^2 tương đương giá trị 420.133.333 đồng.

Có vị trí: Hướng Đông giáp phần đất ông Trần Văn Ẩ, có số đo 20,05m + 26,20m; hướng Tây giáp phần đất thửa 127 chia cho bà Đ, có số đo 51,41m; hướng Nam giáp thửa 128, 131, có số đo 90,10m + 71,74m; hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Phước T3, Nguyễn Minh T4, có số đo 84m + 80,95m.

- Bà Đặng Thị Đận 01 kỷ phần thừa kế có diện tích 1.585,33 m^2, tương đương giá trị 84.022.667 đồng.

Có vị trí: Hướng Đông giáp phần đất thửa 127 chia cho ông L, có số đo 51,41m; hướng Tây giáp phần đất thửa 132, có số đo 52,29m; hướng Nam giáp thửa 131, có số đo 31m; hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Minh T4, có số đo 22,56m + 7,83m.

1.2. Chia phần đất thửa đất số 128, thuộc tờ bản đồ 8, diện tích đo đạc thực tế là 1.198 m^2 tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Đặng Văn D1o ngày 10 tháng 3 năm 1995 cho bị đơn ông Đặng Văn L lý, sử dụng.

Buộc ông Đặng Văn Lghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Đặng Thị Đá trị 01 kỷ phần thừa kế tương đương giá trị 13.976.667 đồng.

1.3. Chia phần đất thửa 225, tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế là 826 m^2 (trong đó: đất ở là 300m^2; diện tích đất trồng cây lâu năm, trong đó: nằm ngoài hành lang lộ giới là 300,3m^2; diện tích nằm trong hành lang lộ 225,7m^2), cụ thể:

- Ông L phân chia thực tế có diện tích 511,1m^2 (trong đó: 200m^2 đất ONT, 183,56m^2 đất CLN ngoài hành lang lộ giới, 127,54m^2 đất CLN nằm trong hành lang lộ giới), có giá trị 397.035.140 đồng.

Có vị trí: Hướng Đông giáp phần đất thửa 225 chia cho ông B, có số đo 29,62m; hướng Tây giáp kênh thủy lợi, có số đo 26,30m; hướng Nam giáp đất ông Hồ Kim Đ2, có số đo 18,10m + 1,44m; hướng Bắc giáp lộ đal, có số đo 15,60m.

- Ông B phân chia thực tế diện tích đất 314,9m^2 (trong đó: 100m^2 đất ONT, 116,74m^2 đất CLN ngoài hành lang lộ giới, 98,16m^2 đất CLN nằm trong hành lang lộ giới), có giá trị 222.848.060 đồng.

Có vị trí: Hướng Đông giáp phần đất ông Hồ Kim Đ2, có số đo 23,20m; hướng Tây giáp phần đất 225 chia cho ông L, có số đo 29,62m; hướng Nam giáp phần đất ông Hồ Kim Đ2, có số đo 13,61m; hướng Bắc giáp lộ đal, có số đo 12m.

(có sơ đồ kèm theo)

- Ông B có trách nhiệm thối lại giá trị cho ông Liền 16.220.327 đồng.

- Ông Brách nhiệm thối lại giá kỷ một kỷ phần thừa kế cho bà Đ 103.313.866 đồng.

Kể từ ngày các ông Đặng Văn L, bà Đặng Thị Đ đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng người có nghĩa vụ trả tiền nêu trên phải chịu mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương đương số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Những người được phân chia, giao quyền sử dụng đất nêu trên được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia thừa kế của ông D1 T2 lại là 02 bộ ván Gõ, 01 tủ đứng gỗ Xà Cừ và bị bàn gỗ Căm Xe chữ U kèm 04 ghế đai.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Ông Đặng Văn L chịu số tiền án phí là 39.097.564 đồng (Ba mươi chín triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm sáu mươi bốn đồng).

3.2. Bà Đặng Thị Đải chịu số tiền án phí là 10.065.660 đồng (Mười triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Đặng Thị Đ nộp 4.453.333 đồng (Bốn triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0000072 ngày 09 tháng 7 năm 2018 và nộp 335.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003520 ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Bà Đặng Thị Đải nộp thêm 5.277.327 đồng (Năm triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng).

3.3. Ông Đặng Văn B miễn án phí.

4. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: tổng cộng 16.600.000đồng.

4.1. Bà Đặng Thị Đải chịu số tiền 2.766.666 đồng, do bà Đ tạm ứng trước. Như vậy, bà Đ nộp xong.

4.2. Ông Đặng Văn L chịu số tiền 12.413.480 đồng để trả cho bà Đ, do bà Đ tạm ứng trước.

4.3. Ông Đặng Văn B chịu 1.419.854 đồng để trả cho bà Đ, do bà Đ tạm ứng trước.

5. Buộc ông Nguyễn Văn H3bà Trần Thị N2ghĩa vụ giao lại các thửa đất 127, 128 thuộc tòa bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăngác đồng thừa kế đã được phân chia như trên để phân chia theo quy định pháp luật.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

6.1. Đặng Văn B miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

6.2. Bà Đặng Thị Đ ông Đặng Văn Lngười phải chịu án phí là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tam ứng án phí mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006542 ngày 14 tháng 10 năm 2024 và số 0006570 (do ông Hthay bà Đ) ngày 25 tháng 10 năm 2024 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, các đương sự đã nộp xong.

7. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Phụng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: HSVA-VP.